TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘ ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-4-2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Triệu Nghĩa

- Bà Trần Thị Bích Thuỷ

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2024/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2024, về "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa 07/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần T, sinh năm 1965;

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần T trình bày: Ông tuế và bà Huỳnh Thị L tổ chức lễ cưới và

chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 21/10/1986 cho đến nay chưa có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà L xảy ra nhiều mâu thuẫn. Bà L nhiều lần có hành vi xúc phạm, chửi bới, không tôn trọng chồng. Chính vì vậy nên cuộc sống của ông và bà L không có hạnh phúc, ông cố gắng chịu đựng để chăm lo cho các con khôn lớn, lập gai đình và ổn định cuộc sống. Hiện nay, các con đã có cuộc sống ổn định nhưng giữa ông và bà L vẫn không chung sống được. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức giải quyết cho ông ly hôn với bà Huỳnh Thị Lệ .

Về con chung: Tôi và bà L có 02 chung là Trần Thanh T1, sinh năm 1986 và Trần Thị Thanh T2, sinh năm 1989; các con đã thành niên nên không ông yêu cầu Toà án giải quyết về nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Ông T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Huỳnh Thị L nhưng bà lệ không có ý kiến gì về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn Trần Tuế khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "*Ly hôn*" với bị đơn Huỳnh Thị Lệ . Trong vụ án này, bị đơn là bà L có địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "*Ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nguyên đơn, bị đơn tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Ông Trần T và bà Huỳnh Thị L chưa có đăng ký kết hôn nhưng đã tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ ngày 21/10/1986 cho đến nay. Do đó, theo quy định tại điểm a mục 3 Nghịa quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữ ông T và bà L là hôn nhân thực tế và được xác lập vào ngày 21/10/1986. Xét yêu cầu ly hôn của ông Trần T, Hội đồng xét xử xét rằng: Theo ông T thì quá trình chung sống giữa ông và bà L xảy ra nhiều mâu thuẫn do bà L nhiều lần có hành vi xúc phạm, chửi bới, không tôn trọng chồng. Cuộc sống của ông và bà L không có hạnh phúc nhưng ông cố gắng chịu đựng để chăm lo cho các con khôn lớn, lập gia đình và ổn định cuộc sống. Hiện nay, các con đã có cuộc sống ổn định nhưng giữa ông và bà L vẫn không chung sống được nên yêu cầu ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa ông với bà L là mang tính âm ỉ, kéo dài và không thể nào khắc phục được. Sau khi thụ lý vụ án, bà L đã được Tòa án thông báo về việc ông T có yêu cầu ly hôn nhưng lại không hợp tác làm việc, bỏ mặc không quan tâm đến ý kiến, yêu cầu của ông T và việc giải quyết vụ án của Tòa án. Như vậy, đã đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa ông T và bà L là không có hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nguyên đơn Trần T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Huỳnh Thị L là có căn cứ theo quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định ông Trần T và bà Huỳnh Thị L có 02 con chung Trần Thanh T1, sinh năm 1986 và Trần Thị Thanh T2, sinh năm 1989. Hiện tại 02 con đã thành niên có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] *Về tài sản chung:* Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà L không có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung:* ông T khai không có, bà L không có ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Ông Trần T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí đ, Khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn nộp tiền án phí đối với ông T. Hoàn trả lại cho ông T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần T được ly hôn bà Huỳnh Thị L

1.2 Về con chung: 02 con chung Trần Thanh T1, sinh năm 1986 và Trần Thị Thanh T2, sinh năm 1989 đã thành niên có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, nên không xem xét, giải quyết về nuôi dưỡng.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết

2. Về án phí:

Ông Trần T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004504 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi*
- *VKSND huyện Mộ Đức*
- *Chi cục THADS huyện Mộ Đức*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đức Hiệp;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hòa